



ISSN 1859-3666
E-ISSN 2815-5726

Tạp chí KHOA HỌC THƯƠNG MẠI

TẠP CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI



Năm thứ 24 - số 203
7/2025



khoa học thương mại

TẠP CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TỔNG BIÊN TẬP:

ĐINH VĂN SƠN

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:

THƯ KÝ TÒA SOẠN

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ

NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

☐ Tòa soạn

Phòng 202 nhà T

Trường Đại học Thương mại

Số 79 đường Hồ Tùng Mậu

Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

☐ Điện thoại: 024.37643219 máy lẻ 2102

☐ Fax: 024.37643228

☐ Email: tckhtm@tmu.edu.vn

☐ Website: tckhtm.tmu.edu.vn

☐ GP hoạt động báo chí:

Số 195/GP-BTTTT ngày 05/6/2023

☐ Chế bản tại: Tòa soạn

Tạp chí Khoa học Thương mại

☐ In tại: Cty TNHH In & TM Hải Nam

☐ Nộp lưu chiểu: 7/2025

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC BIÊN TẬP

Đinh Văn Sơn - Đại học Thương mại (Chủ tịch)

Phạm Vũ Luận - Đại học Thương mại (Phó Chủ tịch)

Nguyễn Bách Khoa - Đại học Thương mại (Phó chủ tịch)

Phạm Minh Đạt - Đại học Thương mại (Ủy viên thư ký)

Các ủy viên

- **Vũ Thành Tự Anh** - ĐH Fulbright Việt Nam (Hoa Kỳ)

- **Lê Xuân Bá** - Viện QLKT TW

- **Hervé B. Boismery** - Đại học Reunion (Pháp)

- **H. Eric Boutin** - Đại học Toulon Var (Pháp)

- **Nguyễn Thị Doan** - Hội Khuyến học Việt Nam

- **Haasis Hans** - Đại học Bremenr (Đức)

- **Lê Quốc Hội** - Đại học Kinh tế quốc dân

- **Nguyễn Thị Bích Loan** - Đại học Thương mại

- **Nguyễn Hoàng Long** - Đại học Thương mại

- **Nguyễn Mai** - Chuyên gia kinh tế độc lập

- **Dương Thị Bình Minh** - ĐH Kinh tế Tp Hồ Chí Minh

- **Hee Cheon Moon** - Hội Nghiên cứu TM Hàn Quốc

- **Bùi Xuân Nhân** - Đại học Thương mại

- **Lương Xuân Quỳ** - Hội Khoa học kinh tế Việt Nam

- **Nguyễn Văn Song** - Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- **Nguyễn Thanh Tâm** - Đại học California (Hoa Kỳ)

- **Trương Bá Thanh** - ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

- **Đinh Văn Thành** - Viện Nghiên cứu thương mại

- **Đỗ Minh Thành** - Đại học Thương mại

- **Lê Đình Thắng** - Đại học Québec (Canada)

- **Trần Đình Thiên** - Viện Kinh tế Việt Nam

- **Nguyễn Quang Thuấn** - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

- **Washio Tomoharu** - ĐH Kwansey Gakuin (Nhật Bản)

- **Lê Như Tuyển** - Grenoble École de Managment (Pháp)

- **Zhang Yujie** - Đại học Tsinghua (Trung Quốc)

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Lê Huỳnh Như và Trịnh Hữu Lực - Tác động hai chiều giữa bất định chính sách kinh tế và ổn định ngân hàng. Mã số: 203.1Deco.11** 3

Two-Way Effect Between Economic Policy Uncertainty and Banking STABILITY

- 2. Nguyễn Đặng Hải Yến - Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ đến chỉ số chứng khoán Việt Nam. Mã số: 203.1FiBa.11** 13

The Impact of Monetary Policy on the Vietnamese Stock Market Index

- 3. Nguyễn Huỳnh Mai Trâm, Bùi Hoàng Ngọc và Phạm Đình Long- Tác động phi tuyến của tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi số và phát triển tài chính đến sự bền vững môi trường ở Việt Nam. Mã số: 203.1SMET.11** 27

The Nonlinear Impact of Economic Growth, Digital Transformation, and Financial Development on Environmental Sustainability in Vietnam

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Trần Nguyễn Khánh Hải, Nguyễn Vũ Yến Nhi, Nguyễn Quỳnh Anh, Phạm Văn Anh và Nguyễn Thanh Quỳnh Hương - Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua sản phẩm F & B có sử dụng bao bì thân thiện với môi trường. Mã số: 203.2BMkt.21** 45

Factors Influencing Purchase Intentions for F&B Products Using Environmentally Friendly Packaging

- 5. Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Thị Uyên và Vũ Phương Anh** - Các yếu tố ảnh hưởng đến niềm tin thương hiệu của các ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Hà Nội: vai trò trung gian của giá trị cảm nhận. *Mã số: 203.2BMkt.21* 56

Factors Affecting Brand Trust of Commercial Banks in Hanoi: the Mediating Role of Perceived Value

- 6. Đỗ Thị Hồng Vân** - Nghiên cứu tác động của hệ giá trị lên hành vi tiêu dùng sản phẩm xanh của người tiêu dùng Việt Nam. *Mã số: 203.2BAdm.21* 72

A Values Approach to Explore Vietnamese Consumers' Green Product Consumption Behavior

- 7. Lê Thị Phương Dung, Nguyễn Tiến Hùng, Ngô Thị Hoàn, Lương Thị Linh, Nguyễn Thu Nga, Võ Nam Thắng và Vũ Thị Tuyết Nhung** - Nghiên cứu về quản lý tài chính trong các hộ gia đình ở khu vực thành thị và nông thôn. *Mã số: 203.2FiBa.21* 86

A Study on Financial Management in Rural and Urban Households

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 8. Trần Thị Bích Hằng** - Tác động của cảm nhận hình ảnh nhà trường, giá trị cá nhân, giá trị xã hội tới sự hài lòng và ý định sau tốt nghiệp của sinh viên Việt Nam: so sánh giữa sinh viên chính quy và sinh viên đào tạo từ xa. *Mã số: 203.3OMIs.31* 101

The Impact of Cognitive Image, Personal Values And Social Values on Satisfaction and Intention to Work in the Field After Graduation of Vietnamese Students: A Comparison Between On-Campus and Platform Students

NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG CÁC HỘ GIA ĐÌNH Ở KHU VỰC THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN

Lê Thị Phương Dung *

Email: dung47kts@gmail.com

Nguyễn Tiến Hùng *

Email: nguyentienhungcdts@gmail.com

Ngô Thị Hoàn *

Email: ngohoan254@gmail.com

Lương Thị Linh *

Email: ltlinh@cdts.edu.vn

Nguyễn Thu Nga *

Email: Nganguyencdts@gmail.com

Võ Nam Thắng *

Email: vnthang79@gmail.com

Vũ Thị Tuyết Nhung *

Email: vttnhung@cdts.edu.vn

* Trường CD Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản

Ngày nhận: 15/01/2025

Ngày nhận lại: 10/03/2025

Ngày duyệt đăng: 14/03/2025

Nghiên cứu được thực hiện trên 456 người đã lập gia đình thông qua một cuộc khảo sát trực tuyến trên các trang mạng xã hội nhằm đánh giá thực trạng quản lý tài chính ở các hộ gia đình hiện nay. Bằng các phương pháp phân tích: thống kê mô tả, so sánh, kiểm định Chi - square, phân tích biệt số đã cho ra một số kết quả chính: Tỷ lệ hộ gia đình lập ngân sách và thường xuyên ghi chép thu - chi chưa cao, phần lớn hộ gia đình trao quyền cho người vợ quản lý thu nhập và chi tiêu sinh hoạt; có mối liên hệ giữa hộ có lập ngân sách và ghi chép thu - chi, giữa tỷ lệ thu nhập của phụ nữ với quyền quyết định chi tiêu trong gia đình. Sự khác biệt giữa hộ gia đình sinh sống ở thành thị và nông thôn chủ yếu nằm ở các yếu tố nhân khẩu học như số năm đi học và độ tuổi của người trả lời phỏng vấn, số trẻ em dưới 15 tuổi của hộ mà không có quá nhiều sự khác biệt trong quản lý tài chính giữa hai nhóm hộ này. Những kết quả nghiên cứu này đặt ra cho các nhà quản lý, tổ chức tài chính, các nhà phát triển ứng dụng cần có các chương trình giáo dục tài chính, dịch vụ tư vấn tài chính cũng như phát triển ứng dụng quản lý tài chính để khuyến khích các hộ gia đình lập ngân sách và kiểm soát tài chính.

Từ khóa: Quản lý tài chính; hộ gia đình; thành thị; nông thôn; phân tích biệt số.

JEL Classifications: C38, D14.

DOI: 10.54404/JTS.2025.203V.07

1. Đặt vấn đề

Quản lý tài chính là vấn đề rất quan trọng trong bối cảnh ngày nay cùng với sự tăng

trường kinh tế kèm theo gia tăng thu nhập của người dân. Người tiêu dùng dễ dàng tiếp cận với hàng hoá thông qua các sàn thương mại

điện tử và các phương thức thanh toán trực tuyến khiến người tiêu dùng khó kiểm soát dòng tiền chi ra. Lối sống hiện đại đã thúc đẩy mọi người chi tiêu tài chính theo ý muốn thay vì nhu cầu (Rosalina và c.s., 2022). Trong khi đó, thu nhập của hộ gia đình là có hạn, vì vậy các thành viên phải quản lý tài chính để đáp ứng nhu cầu hàng ngày đồng thời lập kế hoạch dự phòng. Các hộ gia đình ngày càng nhận thức được tầm quan trọng của quản lý tài chính, đặc biệt khi trải qua các thời kỳ căng thẳng như thất nghiệp, thai sản, đại dịch,... Bởi trong các giai đoạn này, các biến động và cuộc sống, kinh tế, xã hội ảnh hưởng tới cả thu nhập, chi phí cũng như hành vi tiêu dùng của hộ gia đình. Các hộ gia đình có thể có xu hướng gia tăng các hoạt động kinh tế, sử dụng các dịch vụ phi tài chính, phi tiền mặt, chi tiêu nhiều hơn cho sức khỏe và bảo hiểm, gia tăng áp dụng công nghệ trong dịch vụ tài chính (Fox & Bartholomae, 2020; Fujiki, 2022; Sulistiyowati & Dessyarti, 2022; Gade, 2022a)

Theo các nhà nghiên cứu, quản lý tài chính hộ gia đình gồm hai thành phần: kiểm soát tài chính (financial control) và lập ngân sách (mental budget). Trong đó, kiểm soát tài chính là cách thức người tiêu dùng kiểm soát thu nhập và chi tiêu; lập ngân sách ngụ ý về cách mọi người phân chia các nguồn lực và chi tiêu thành các danh mục khác nhau (Miotto & Parente, 2015; Antonides và c.s., 2011; Heath & Soll, 1996). Nghiên cứu về tài chính hộ gia đình là một thách thức vì hành vi của hộ gia đình khó đo lường và các hộ gia đình phải đối mặt với những hạn chế không nằm trong các mô hình ở các sách giáo khoa (Campbell, 2006). Các nghiên cứu về quản lý tài chính hộ gia đình quan tâm tới các vấn đề như: quyết định tài chính trong gia đình (Declaro-Ruedas & Guico, 2023; Dobbelsteen & Kooreman, 1997; Murari, 2019; Surikhi, 2012), các hành vi tài chính (Godwin & Carroll, 1986; Murari, 2019); mối

quan hệ giữa các yếu tố như nhân khẩu học, các cú sốc (đại dịch covid, căng thẳng tài chính) tới hành vi tài chính (Gade, 2022b; Hilgert & Hogarth, 1997; Walker, 1996). Tại Việt Nam, các nghiên cứu thường tập trung vào chủ đề quản lý tài chính cá nhân (Lê Long Hậu và c.s., 2019; Vũ Thị Mai và c.s., 2021; Lê Thị Hồng Hạnh và c.s., 2023). Nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Hoa (2007) và Đặng Thị Hiệp Định (2012) về quản lý tài chính trong hộ gia đình nhưng chỉ quan tâm tới một số khía cạnh nhất định như: vai trò của người vợ trong quản lý ngân sách chung, nhận thức của gia đình trẻ tới quản lý tài chính trong gia đình. Như vậy, nghiên cứu về quản lý tài chính trong các hộ gia đình tại Việt Nam vẫn còn đang bị bỏ ngỏ. Xuất phát từ khoảng trống trong nghiên cứu liên quan tới vấn đề, câu hỏi đặt ra là: hiện nay, các hộ gia đình quản lý tài chính như thế nào? Có sự khác biệt nào trong quản lý tài chính của các hộ gia đình sinh sống tại khu vực khác nhau? Thông qua quá trình tổng quan lý thuyết, nghiên cứu đứng trên cách tiếp cận của (Miotto & Parente, 2015), xem xét hai thành phần của quản lý tài chính hộ gia đình là lập ngân sách và kiểm soát tài chính. Từ đó, nghiên cứu mô tả cách thức quản lý tài chính trong các hộ gia đình và xem xét sự khác biệt trong quản lý tài chính giữa hộ gia đình sinh sống tại khu vực thành thị và nông thôn.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Lý thuyết về quản lý tài chính hộ gia đình

Quản lý tài chính có nghĩa là lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm soát các hoạt động tài chính, chẳng hạn như mua sắm và sử dụng tài sản của tổ chức (Grozdanovska và c.s., 2017). Quản lý tài chính có thể được thực hiện bởi các tổ chức kinh doanh hoặc tổ chức khác như các cơ quan giáo dục, chính phủ và các hộ gia đình (Rosalina và c.s., 2022). Tài chính hộ gia đình và tài chính người tiêu dùng là hai thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong

các tài liệu nghiên cứu và được coi là có chung khái niệm. Nhìn chung, các nhà kinh tế thường sử dụng thuật ngữ “tài chính hộ gia đình”, trong khi đó, các nhà nghiên cứu về kinh doanh và tiêu dùng thường sử dụng thuật ngữ “tài chính người tiêu dùng” (Xiao & Tao, 2020). Quản lý tài chính trong hộ gia đình bắt nguồn từ những nhu cầu cấp thiết phải đáp ứng khi các hộ gia đình thanh toán các hoá đơn tiêu dùng, những mong muốn hoặc giải trí trong khi các nguồn lực của hộ gia đình có giới hạn. Theo (Campbell, 2006) tài chính hộ gia đình đặt câu hỏi về cách các hộ gia đình sử dụng các công cụ tài chính để đạt được mục tiêu của họ. Các hộ gia đình có các tài sản quan trọng nhưng không giao dịch được (ví dụ như vốn con người), các tài sản không thanh khoản (đáng chú ý là nhà ở); hộ gia đình cũng phải đối mặt với hạn chế về khả năng vay mượn và chịu thuế phức tạp. Rõ ràng, các hộ gia đình cần lập kế hoạch cho cả nhu cầu hiện tại và mục tiêu tương lai, chẳng hạn như tiết kiệm cho hưu trí, mua nhà, giáo dục.

Quản lý tài chính có tác động lớn tới tình trạng kinh tế của các hộ gia đình. Cụ thể, quản lý tài chính có mối liên hệ với tình trạng nợ, bao gồm nợ hiện tại và nợ tiềm ẩn (Walker, 1996) và quản lý tài chính có thể coi là biến trung gian giúp giải thích mối liên hệ giữa đặc điểm cá nhân của chủ hộ với tình trạng nợ hoặc tiết kiệm của hộ (Miotto & Parente, 2015). Các hoạt động quản lý tài chính của hộ gia đình có thể liên quan đến việc ra quyết định từ đơn giản (ví dụ như theo dõi hoá chi phí, thanh toán hoá đơn và các loại phí đúng hạn) đến quyết định phức tạp (ví dụ như đa dạng hoá các khoản đầu tư, lập kế hoạch dự phòng, kế hoạch nghỉ hưu) (Murari, 2019).

Các nghiên cứu về quản lý tài chính hộ gia đình quan tâm tới vai trò của người vợ trong việc ra quyết định tài chính. Sự quan tâm tới tài chính trong gia đình cũng như nhận thức

tốt hơn về tài chính giúp phụ nữ được trao quyền quản lý tài chính trong phần lớn gia đình (Murari, 2019; Nguyễn Thị Phương Hoa, 2007). Nhiều tác giả nhận định yếu tố kinh tế và giáo dục ảnh hưởng đến quyền quyết định chi tiêu của phụ nữ. Cụ thể, khi thu nhập và trình độ học vấn của người vợ tăng thì người vợ có xu hướng quyết định tài chính trong gia đình (Bernasek & Bajtelsmit, 2002; Declaro-Ruedas & Guico, 2023; Dobbelsteen & Kooreman, 1997; Surikhi, 2012). Mặc dù các kết quả nghiên cứu có thể khác nhau, nhưng sự giàu có của hộ gia đình cũng tác động tới vai trò của người vợ trong quản lý tài chính. Theo (Bernasek & Bajtelsmit, 2002) thì mức độ tham gia của người vợ trong quản lý tài chính ở các gia đình giàu có thấp hơn trong khi Dobbelsteen & Kooreman (1997) nhận định mức độ này cao hơn ở các hộ gia đình có thu nhập thấp.

2.2. Lập ngân sách trong quản lý tài chính hộ gia đình

Bắt nguồn từ khái niệm “kế toán tinh thần” (Mental accounting) được phát triển bởi (Thaler, 1985) đề cập đến cách mà người tiêu dùng phân loại và xử lý các khoản chi tiêu giúp họ ra quyết định tiêu dùng hợp lý hơn, (Heath & Soll, 1996) đã đề xuất mô hình ngân sách tinh thần (Mental Budgeting). Trong đó, lập ngân sách là quá trình người tiêu dùng xác định và quản lý ngân sách của mình bằng cách phân bổ tiền cho các danh mục chi tiêu khác nhau. Cả hai khái niệm này đều nhấn mạnh khía cạnh tâm lý và chủ quan trong cách người tiêu dùng quản lý và phân bổ tiền bạc trong suy nghĩ của họ. Hầu hết các nghiên cứu tiếp cận lập ngân sách dưới dạng các danh mục chi tiêu, một số khác tiếp cận dưới dạng thời gian (lập ngân sách trong ngắn hạn hoặc dài hạn) (Antonides và c.s., 2011; Davis & Weber, 1990). Mặc dù các kết quả nghiên cứu có thể khác nhau, nhìn chung các yếu tố thu nhập, giáo dục và khả năng tự kiểm soát là những yếu tố chính ảnh hưởng tới hành vi

lập ngân sách trong các hộ gia đình (Antonides và c.s., 2011; Habibah và c.s., 2018; Zhang và c.s., 2022). Cụ thể, người có trình độ học vấn cao hoặc có kiến thức tốt về tài chính, người có khả năng tự kiểm soát tốt sẽ có xu hướng lập ngân sách cao hơn. Trong khi đó, kết luận về thu nhập hay tình hình tài chính của hộ gia đình đôi khi là không đồng nhất. Theo Antonides và c.s (2011) hộ gia đình có thu nhập thấp, có giá trị tài sản nhỏ và nhiều nợ hơn có xu hướng lập ngân sách. Tuy nhiên, Zhang và c.s (2022) cho rằng, hộ gia đình có thu nhập cao thường có hành vi lập ngân sách hơn ở những hộ có thu nhập thấp. Lập ngân sách có tác động tích cực tới phúc lợi tài chính ở các hộ gia đình ((Bai, 2023; Rivest, 2018), bởi việc tuân thủ ngân sách sẽ giúp các hộ gia đình kiểm soát chi tiêu bằng cách áp đặt các hạn chế, đồng thời khuyến khích các hoạt động tiết kiệm.

2.3. Kiểm soát tài chính trong quản lý tài chính hộ gia đình

Để kiểm soát tài chính trong gia đình, người tiêu dùng cần quản lý thu nhập và chi tiêu của họ. Cách quản lý này có thể dẫn tới tình trạng nợ hoặc tiết kiệm. Những cá nhân áp dụng quản lý thu nhập và chi tiêu tốt có xu hướng tránh những tình huống mà chi tiêu của họ vượt quá thu nhập, do đó giảm nguy cơ vỡ nợ. Những suy nghĩ thường xuyên về chi tiêu sẽ kích thích kiểm soát tài chính, từ đó xem xét lại và kiểm soát quyết định mua hàng (Miotto & Parente, 2015). Kiểm soát tài chính được thực hiện bằng cách lập hồ sơ tài chính hoặc đơn giản là danh sách các khoản thu - chi (Nagara & Pewnuan, 2016). Cùng với việc thanh toán các hoá đơn đúng hạn thì ghi chép chi tiêu là một hành vi quản lý tài chính cơ bản (Hilgert & Hogarth, 1997; Murari, 2019). Những nghiên cứu về quản lý tài chính đặt trong bối cảnh khác nhau cho thấy những kết quả khác nhau về hành vi kiểm soát tài chính của các hộ gia đình. Các phương pháp kiểm soát tài chính rất đa dạng,

cụ thể: ghi chép lại một cách có hệ thống các khoản chi tiêu trong gia đình vào sổ tay hoặc chỉ ghi chép các khoản chi lớn; ghi chép các khoản thu nhập tăng thêm để tách biệt với thu nhập hàng tháng; kiểm soát tài chính thông qua chứng từ sổ sách ngân hàng; thu thập biên lai thanh toán thay vì ghi chép; kiểm soát chi tiêu trong hạn mức thẻ tín dụng; hộ không có thói quen ghi chép nhưng nắm khá chính xác về các khoản chi phí của gia đình. Nhìn chung, đa số các hộ gia đình không duy trì việc ghi chép các khoản thu nhập, chi phí hàng tháng. Một số lý do đưa ra như: không có thời gian, không đủ động lực, kiên trì hoặc cảm thấy không cần thiết, ... (Davis & Weber, 1990; Godwin & Carroll, 1986; Miotto & Parente, 2015; Nagara & Pewnuan, 2016). Đánh giá kiểm soát tài chính đã cho thấy kiểm soát tài chính ảnh hưởng tích cực tới kinh tế hộ gia đình cũng như nhấn mạnh phụ nữ có vai trò lớn trong việc này (Godwin & Carroll, 1986; Nagara & Pewnuan, 2016).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Số liệu sơ cấp được thu thập dựa trên phản hồi của mẫu quan sát gồm những người đã lập gia đình, thông qua phương pháp phỏng vấn trực tuyến. Một bảng hỏi được thiết kế bằng công cụ Google Forms và đăng trên các trang mạng xã hội. Bảng hỏi gồm hai phần chính, trong đó phần thứ nhất tìm hiểu thông tin chung của người được phỏng vấn và hộ gia đình. Phần thứ hai thu thập dữ liệu về tình trạng kinh tế và quản lý tài chính của hộ.

Thông qua các trang mạng xã hội, nghiên cứu đã tiếp cận được 456 người đã lập gia đình, trong đó có 2,63% người đã ly hôn. Số lượng người trả lời phỏng vấn sống ở khu vực thành thị chiếm 64,04%, trong khi khu vực nông thôn là 35,96%, điều này thể hiện phần nào mức độ tiếp cận với mạng xã hội và sẵn lòng trả lời phỏng vấn ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn. Độ tuổi trung bình của người trả lời là 40,57 với số lượng người

từ 35 - 45 tuổi chiếm phần lớn (51,97%). Tỷ lệ nữ giới tham gia nghiên cứu là 58,77%. Số lượng người trả lời câu hỏi có trình độ đại học chiếm tỷ lệ cao nhất (48,03%) trong tổng số người trả lời.

tuyệt đối, số tương đối nhằm làm rõ sự khác nhau trong quản lý tài chính nói chung giữa hộ gia đình ở khu vực thành thị và nông thôn.

Bên cạnh đó, các phương pháp kinh tế lượng được sử dụng trong nghiên cứu như

Bảng 1: Đặc điểm kinh tế - xã hội của các mẫu quan sát

Đặc điểm	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1. Độ tuổi người trả lời		
≤ 25 tuổi	6	1,32
25 – 35 tuổi	110	24,12
35 – 45 tuổi	237	51,97
45 – 55 tuổi	79	17,32
≥ 55 tuổi	24	5,26
2. Giới tính		
Nữ	268	58,77
Nam	187	41,01
3. Trình độ học vấn		
Tiểu học	9	1,97
Trung học cơ sở	32	7,02
Trung học phổ thông	42	9,21
Trung cấp/Cao đẳng	68	14,91
Đại học	219	48,03
Sau đại học	86	18,86
4. Nơi sống		
Thành thị	292	64,04
Nông thôn	164	35,96

(Nguồn: Kết quả tổng hợp của nhóm tác giả)

Dữ liệu sau khi thu thập được tổng hợp và phân tích bởi phần mềm Excel và SPSS.

3.2. Phương pháp phân tích

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp phân tích như thống kê mô tả, phương pháp so sánh. Trong đó, thống kê mô tả được sử dụng để mô tả đặc điểm nhân khẩu học, cách thức quản lý tài chính ở các hộ gia đình tham gia trả lời phỏng vấn. Các tham số như số trung bình, tần số, tần suất... được ước tính và trình bày dưới dạng bảng biểu, đồ thị. Phương pháp so sánh được sử dụng để so sánh các số

kiểm định Chi - square và Phân tích biệt số. Kiểm định Chi - square để kiểm tra có hay không mối liên hệ giữa các biến; Phân tích biệt số là phương pháp phân tích đa biến, được sử dụng để tìm ra sự kết hợp tuyến tính của các đặc trưng mà có thể phân biệt các đối tượng khác nhau. Phân tích biệt số được áp dụng khi biến phụ thuộc là biến phân loại (có ít nhất hai nhóm) (Dhamnetiya và c.s., 2022; Stella, 2019). Trong nghiên cứu này, phân tích biệt số để kiểm tra sự khác biệt trong quản lý tài chính ở hai nhóm hộ gia

đình: hộ ở khu vực thành thị và hộ ở khu vực nông thôn.

Mô hình phân tích biệt số có dạng như sau:

$D = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_nX_n$
(Stella, 2019)

Trong đó:

D: Biệt số mang hai giá trị (1 và 0), được phân loại thành hai nhóm: nhóm hộ sống ở thành thị (1) và nhóm hộ sống ở nông thôn (0)

b: Hệ số hay trọng số phân biệt

X: biến độc lập. Biến X đại diện cho một số yếu tố về nhân khẩu học và các yếu tố liên quan tới quản lý tài chính hộ gia đình.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

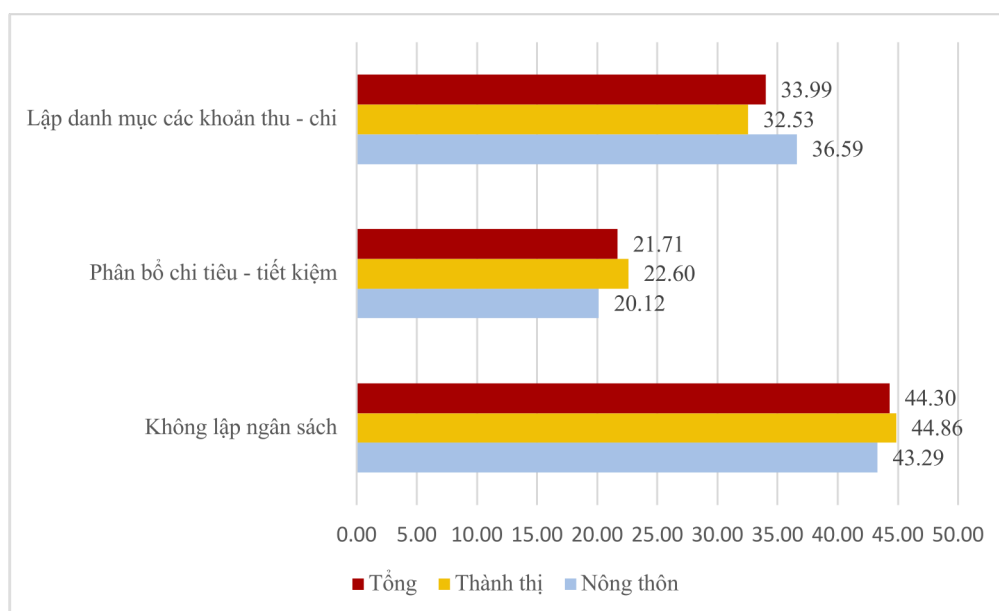
4.1. Thực trạng quản lý tài chính trong các hộ gia đình hiện nay

4.1.1. Lập ngân sách

Nghiên cứu về lập ngân sách trong các hộ gia đình cho thấy các hộ gia đình có ba xu hướng. Xu hướng thứ nhất bao gồm các hộ không lập ngân sách. Xu hướng thứ hai là các hộ chỉ phân bổ ngân sách thành hai phần: chi tiêu và tiết kiệm. Các hộ này tiết kiệm ngay một khoản sau khi nhận lương, phần còn lại

dành cho chi tiêu nhưng không lập danh mục chi tiêu cho gia đình. Xu hướng thứ ba là các hộ lập ngân sách thu - chi rõ ràng. Các hộ này lập danh mục chi tiêu cụ thể và phân bổ thu nhập theo các khoản chi này. Không có nhiều sự khác biệt về lập ngân sách giữa các hộ gia đình ở thành thị và nông thôn. Số lượng hộ không lập ngân sách chiếm 44,30%, cao hơn so với hộ có sự phân bổ chi tiêu - tiết kiệm (21,71%) và hộ lập danh mục các khoản thu - chi cụ thể (33,09%). Xem xét về tỷ lệ các nhóm hộ có thể thấy không có nhiều sự khác biệt về lập ngân sách giữa các hộ sống ở thành thị và nông thôn.

Tỷ lệ hộ không lập ngân sách vẫn còn cao thể hiện hộ gia đình chưa nhận thức được vai trò quan trọng của việc lên kế hoạch tài chính cũng như thiếu kiến thức về tài chính. Các nghiên cứu trước về giáo dục tài chính cũng cho thấy mức độ am hiểu về tài chính của người dân Việt Nam ở mức rất thấp so với khu vực châu Á (Trần Thanh Thu & Đào Hồng Nhung, 2020). Điều này đòi hỏi cần có những chương trình hỗ trợ nâng cao nhận



(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả)

Hình 1: Thực trạng lập ngân sách tại các hộ gia đình

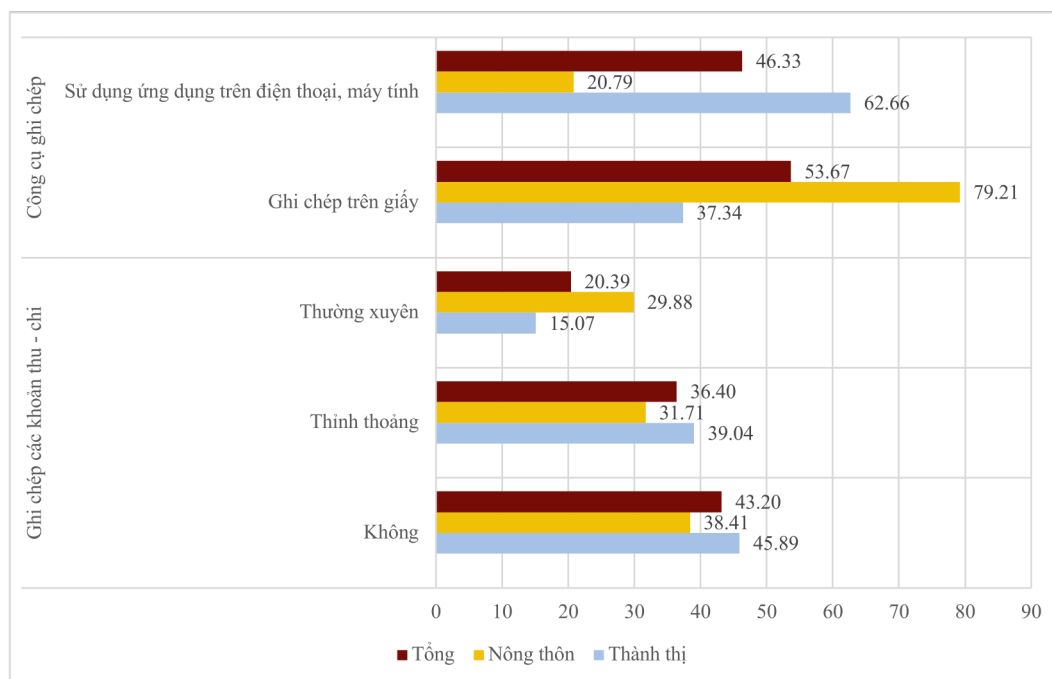
thức về quản lý tài chính hộ gia đình và các hướng dẫn giúp hộ gia đình thực hiện lập kế hoạch tài chính một cách hiệu quả.

4.1.2. Kiểm soát tài chính

Theo dõi tài chính

Việc theo dõi thu nhập và chi tiêu trong gia đình đem lại nhiều lợi ích, tuy nhiên kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ hộ không ghi chép lại thông tin về các khoản chi phí hàng ngày cao hơn so với hộ thỉnh thoảng và thường xuyên ghi chép. Đặc biệt, chỉ có 20,39% hộ gia đình thường xuyên ghi chép thu - chi, trong đó tỷ lệ hộ gia đình sống ở nông thôn thường xuyên ghi chép cao hơn tỷ lệ hộ gia đình sống ở thành thị. Một vài nghiên cứu trước đó cũng cho thấy, hầu hết người tiêu dùng không ghi lại các khoản thu nhập và chi phí (Đặng Thị Hiệp Định, 2012; Nagara & Pewnuan, 2016). Tỷ lệ hộ gia đình theo dõi thu - chi không cao cho thấy việc kiểm tra tài chính của các hộ chưa thực sự chặt chẽ. Thực tế, ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày đôi

khi trở thành gánh nặng cho người tiêu dùng. Nhiều người tiêu dùng không nhận thấy tầm quan trọng của việc ghi chép hoặc không đủ động lực để ghi chép. Việc không theo dõi, kiểm tra tài chính có thể khiến hộ không nhận biết và giải quyết sớm các vấn đề tài chính như thu - chi không hợp lý hoặc các khoản nợ trong tương lai. So sánh cách thức theo dõi các khoản thu - chi ở các hộ gia đình sinh sống trong các khu vực khác nhau thấy rằng các hộ gia đình ở khu vực nông thôn ưa thích ghi chép trên giấy trong khi các hộ gia đình ở khu vực thành thị thường sử dụng các ứng dụng trên điện thoại, máy tính để quản lý các khoản thu - chi. Ngày nay, có nhiều ứng dụng để quản lý thông tin về thu nhập, chi phí cung cấp cho người dùng, tuy nhiên tỷ lệ hộ ghi chép không cao, đặc biệt tỷ lệ sử dụng ứng dụng của các hộ gia đình sống ở khu vực nông thôn còn thấp đặt ra câu hỏi về sự tiện lợi cũng như dễ dàng sử dụng của các ứng dụng này.



(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả)

Hình 2: Cách thức quản lý chi tiêu trong hộ gia đình

Cần phân biệt giữa theo dõi tài chính và lập ngân sách. Theo Đặng Thị Hiệp Định (2012) do thiếu kiến thức về quản lý tài chính, người tiêu dùng đã đánh đồng lập kế hoạch tài chính và ghi chép các khoản chi tiêu hàng ngày. Xem xét mối liên hệ giữa việc hộ lập ngân sách với việc ghi chép thu chi, kiểm định mối liên hệ giữa hai biến này cho thấy, các hộ có nhận thức ngân sách có xu hướng thường xuyên theo dõi các khoản thu - chi hơn các hộ không có nhận thức ngân sách. Rõ ràng, các hộ lập ngân sách đồng nghĩa với việc có ý thức về lập kế hoạch tài chính từ đó thúc đẩy họ kiểm soát tài chính chặt chẽ hơn thông qua việc theo dõi, ghi chép thu - chi.

người ra quyết định chi tiêu. Trong đó, các khoản chi tiêu hàng ngày bao gồm ăn uống, học tập, trang phục, giải trí,... mà không bao gồm các khoản chi lớn như mua nhà, đất, đầu tư,... So sánh kết quả giữa các hộ gia đình sinh sống ở các khu vực khác nhau có thể nhận thấy, mặc dù cả hai tỷ lệ này ở khu vực nông thôn cao hơn thành thị nhưng mức độ cao hơn rất ít, thể hiện không có nhiều sự khác biệt giữa các hộ gia đình ở khu vực thành thị và nông thôn. Số lượng hộ gia đình có cả hai vợ chồng chia sẻ quyền quyết định chi tiêu sinh hoạt chiếm 33,77% trong tổng số hộ trả lời phỏng vấn, tỷ lệ này ở khu vực thành thị cao hơn so với khu vực nông thôn.

Bảng 2: Mối liên hệ giữa hành vi lập ngân sách và ghi chép thu - chi

Ghi chép các khoản thu - chi	Hộ có lập ngân sách		Hộ không lập ngân sách	
	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Không	47	30,32	150	49,83
Thỉnh thoảng	57	36,77	109	36,21
Thường xuyên	51	32,90	42	13,95
Tổng	155	100	301	100
Kiểm định Chi - square				
Chi - square	27,032			
df	2			
Sig.	0,000			

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả)

Quyết định tài chính

Với sự nhận thức tốt hơn và quan tâm nhiều hơn về tài chính trong gia đình của nữ giới so với nam giới, vai trò của người phụ nữ trong việc đưa ra các quyết định tài chính đã được nhiều nhà nghiên cứu khẳng định. Kết quả nghiên cứu này giống như nhiều nghiên cứu trước đó của Nguyễn Thị Phương Hoa (2007), Murari (2019) đều chỉ ra phần lớn các hộ gia đình trao quyền quyết định chi tiêu cho người vợ. Tỷ lệ hộ gia đình có người vợ là người giữ thu nhập của gia đình và ra quyết định các chi tiêu trong sinh hoạt là 58,77% và chỉ có 4,17% hộ gia đình có người chồng là

Điều này cho thấy mặc dù phụ nữ Việt Nam vẫn đóng vai trò chính trong quản lý tài chính của hộ gia đình, tuy nhiên ngày nay nam giới ngày càng quan tâm và chia sẻ nhiệm vụ này với nữ giới.

Câu hỏi đặt ra là liệu thu nhập của người vợ có liên quan đến quyền ra quyết định chi tiêu trong gia đình? Kiểm định Chi - square để kiểm tra mối liên hệ giữa hai biến với mức ý nghĩa 0,05 thể hiện có mối liên hệ giữa tỷ lệ thu nhập của vợ trong tổng thu nhập của gia đình với vai trò của vợ trong việc quyết định chi tiêu hàng ngày. Kết quả nghiên cứu thể hiện khi tỷ lệ thu nhập của vợ trong tổng thu

Bảng 3: Quyết định chi tiêu sinh hoạt trong gia đình

Khu vực sống	Người ra quyết định chi tiêu sinh hoạt trong gia đình							
	Vợ		Chồng		Cả hai vợ chồng		Bản thân (trường hợp ly hôn, góa)	
	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
Thành thị	169	57,88	7	2,40	108	36,99	8	2,74
Nông thôn	99	60,37	12	7,32	46	28,05	7	4,27
Tổng	268	58,77	19	4,17	154	33,77	15	3,29

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả)

nhập của hộ gia đình tăng thì vai trò quyết định chi tiêu của người vợ cũng tăng. Đặc biệt, với các hộ gia đình có tỷ lệ thu nhập của vợ chiếm từ 80 - 100% tổng thu nhập của hộ thì số lượng hộ có người vợ là người quyết định chi tiêu chiếm tới 90,91%. Kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu của (Bernasek & Bajtelsmit, 2002) về vai trò của người vợ trong quản lý tài chính của hộ gia đình. Theo đó, khi tỷ lệ thu nhập của người chồng càng cao thì sự tham gia của người vợ vào quản lý tài chính hộ gia đình sẽ giảm.

4.2. Khác biệt trong quản lý tài chính của các hộ gia đình ở các khu vực thành thị và nông thôn

Mô hình phân tích biệt số được sử dụng để làm rõ sự khác biệt trong quản lý tài chính của các hộ gia đình ở khu vực: (1) thành thị và (0) nông thôn. Một vài biến số về đặc điểm nhân khẩu học được đưa vào mô hình cùng với các biến số về quản lý tài chính. Bảng 5 mô tả các biến trong mô hình:

Với 11 biến độc lập được đưa vào mô hình, kết quả phân tích biệt số của các dữ liệu được trình bày trong bảng 6. Mức ý nghĩa (Sig.)

Bảng 4: Mối quan hệ giữa thu nhập của người vợ và quyền ra quyết định chi tiêu trong gia đình

Tỷ lệ thu nhập từ vợ trong tổng thu nhập	Hộ gia đình có vợ là người quyết định chi tiêu	
	Số lượng (hộ)	Tỷ lệ (%)
<= 20	19	51,35
20 - 40	109	64,88
40 - 60	114	56,16
60 - 80	16	72,73
80 - 100	10	90,91
Kiểm định Chi - square		
Chi - square	9890	
df	4	
Sig.	0,042	

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả)

Bảng 5: Mô tả các biến trong mô hình phân tích biệt số

Biến	Mô tả	Đơn vị tính	Ghi chú
X ₁	Tuổi của người trả lời	Năm	Biến rời rạc
X ₂	Số năm đi học của người trả lời	Năm	Biến rời rạc
X ₃	Quy mô hộ	Người	Biến rời rạc
X ₄	Số trẻ em đi học vẫn cần trợ cấp	Người	Biến rời rạc
X ₅	Thu nhập trung bình	Triệu đồng/tháng	Biến liên tục
X ₆	Tỷ lệ chi tiêu/thu nhập		Biến liên tục
X ₇	Hộ có lập ngân sách không?		Có = 1 Không = 0
X ₈	Hộ có ghi chép thu - chi hàng tháng không?		Có = 1 Không = 0
X ₉	Hộ có chồng là người quyết định chi tiêu?		Có = 1 Không = 0
X ₁₀	Hộ có khoản tiết kiệm?		Có = 1 Không = 0
X ₁₁	Hộ có đang mắc nợ do mua hoặc xây nhà		Có = 1 Không = 0

(Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả)

của tỉ số F đơn biến cho thấy khi xem xét một thu nhập trung bình, tỷ lệ chi tiêu/thu nhập, cách riêng biệt các biến độc lập thì các biến: hộ có chồng là người quyết định chi tiêu, hộ Tuổi, số năm đi học, số trẻ em dưới 15 tuổi, có nợ do mua hoặc xây nhà đều có ý nghĩa

Bảng 6: Kiểm định sự khác biệt của giá trị trung bình theo nhóm hộ

Biến	Giá trị trung bình		F	Sig.
	Nhóm hộ ở thành thị	Nhóm hộ ở nông thôn		
Tuổi của người trả lời	39,38	42,69	17,171	0,000
Số năm đi học của người trả lời	16,66	13,86	54,401	0,000
Quy mô hộ	4,7	4,73	0,01	0,919
Số trẻ em dưới 15 tuổi	1,63	1,33	10,854	0,001
Thu nhập trung bình	31,29	19,47	25,438	0,000
Tỷ lệ chi tiêu/thu nhập	0,77	0,82	4,709	0,031
Hộ có lập ngân sách không?	0,33	0,36	0,766	0,382
Hộ có ghi chép thu - chi hàng tháng không?	0,54	0,62	2,394	0,123
Hộ có chồng là người quyết định chi tiêu?	0,024	0,073	6,428	0,012
Hộ có khoản tiết kiệm?	0,69	0,64	1,266	0,261
Hộ có nợ do mua hoặc xây nhà	0,36	0,28	3,227	0,073

(Nguồn: Kết quả từ phần mềm SPSS)

thống kê hay nói cách khác, các biến này có khả năng phân biệt một cách có ý nghĩa khác biệt giữa hộ ở nông thôn và hộ ở thành thị.

Với hai nhóm hộ nên chỉ có một hàm phân biệt được ước lượng. Giá trị Eigenvalues là 0,20 và chiếm tới 100% phương sai giải thích được nguyên nhân khác biệt. Hệ số canonical tương ứng là 0,425 cho thấy 18,06% của biến phụ thuộc (nhóm hộ) được giải thích bởi mô hình này. Mức độ giải thích chưa cao do nghiên cứu chỉ đưa một số biến độc lập liên quan tới nhân khẩu học và các biến về quản lý tài chính vào mô hình trong khi sự khác biệt giữa nhóm hộ gia đình sinh sống ở thành thị và nông thôn còn được giải thích bởi nhiều yếu tố khác.

Bảng 7: Giá trị Eigenvalues

Hàm	Giá trị Eigen	% của phương sai	% cộng dồn	Tương quan Canonical
1	0,220	100%	100%	0,425

(Nguồn: Kết quả từ phần mềm SPSS)

Đại lượng Wilk λ của hàm là 0,820 chuyển thành đại lượng Chi-square là 89,166 với 11 bậc tự do. Với mức ý nghĩa quan sát là 0,000 rất nhỏ so với 0,05 nên có đủ cơ sở để khẳng định sự phân biệt có ý nghĩa thống kê.

Bảng 8: Kiểm định mức ý nghĩa

Kiểm định các hàm	Wilks' Lambda	Chi - square	Bậc tự do df	Giá trị Sig.
1	0,820	89,166	11	0,000

(Nguồn: Kết quả từ phần mềm SPSS)

Với 11 biến được đưa vào mô hình, loại trừ biến: Quy mô hộ, Hộ có lập ngân sách, Hộ có ghi chép thu - chi, Hộ có khoản tiết kiệm thì các biến còn lại đều có giúp phân biệt sự khác nhau giữa hai nhóm hộ. Tầm quan trọng của các biến này thể hiện qua các hệ số tương quan kết cấu. Bảng hệ số tương quan kết cấu (Structure Matrix) cho biết mức độ tác động của các biến được sắp xếp theo thứ tự giảm dần.

Theo Stella (2019) thì 0,3 được coi là ranh giới giữa biến quan trọng và biến ít quan trọng hơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy các biến: Số năm đi học của người trả lời, thu nhập trung bình/tháng, tuổi của người trả lời, số trẻ em dưới 15 tuổi có các hệ số trong bảng Structure matrix lớn hơn 0,3 có thể coi là các biến quan trọng. Trong đó số năm đi học của người trả lời là biến quan trọng nhất.

Đứng trên góc độ về nhân khẩu học, dựa vào bảng 6 và bảng 9 có thể thấy, số năm đi học, thu nhập trung bình hàng tháng, số trẻ em dưới 15 tuổi của hộ gia đình sống ở thành thị cao hơn nông thôn, trong khi đó tuổi của người trả lời ở nông thôn cao hơn ở thành thị.

Đứng trên góc độ về quản lý tài chính, hộ gia đình sinh sống ở thành thị và nông thôn dường như không có sự khác biệt quá nhiều trong quản lý tài chính. Đa số các hộ gia đình ở cả hai khu vực sống đều không có thói quen ghi chép thu

- chi cũng như lập ngân sách; tỷ lệ hộ có các khoản tiết kiệm ở thành thị và nông thôn cũng tương đương. Sự khác biệt trong quản lý tài chính nằm ở khía cạnh người ra quyết định chi tiêu trong gia đình. Hộ có chồng là người nắm tài chính của gia đình chủ yếu là các hộ sinh sống ở nông thôn. Ngoài ra, có sự khác biệt lớn về thu nhập và tỷ lệ chi tiêu/thu nhập của các nhóm hộ. Thu nhập trung bình theo tháng ở các

Bảng 9: Bảng hệ số tương quan kết cấu

	Hàm 1
Số năm đi học của người trả lời	0,738
Thu nhập trung bình	0,505
Tuổi của người trả lời	- 0,415
Số trẻ em dưới 15 tuổi	0,330
Hộ có chồng là người nắm giữ chi tiêu	-0,254
Tỷ lệ chi tiêu/thu nhập	-0,217
Hộ có nợ do mua hoặc xây nhà	0,180
Hộ có ghi chép thu - chi	-0,155
Hộ có tiết kiệm	0,113
Hộ có lập ngân sách	-0,088
Quy mô hộ	-0,01

(Nguồn: Kết quả từ phần mềm SPSS)

hộ thuộc khu vực thành thị cao hơn nông thôn nhưng tỷ lệ chi tiêu/thu nhập của các hộ sống ở nông thôn lại cao hơn thành thị. Điều này thể hiện mức giá cả tại thành thị cao hơn nông thôn và danh mục các khoản chi tiêu của các hộ gia đình sinh sống ở thành thị dường như đa dạng hơn. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của quản lý tài chính trong bối cảnh cần phải cân bằng giữa chi phí sinh hoạt và thu nhập, đặc biệt khi các hộ chưa thực sự thực hiện tốt những hoạt động cơ bản như lập ngân sách và ghi chép thu - chi.

5. Kết luận và kiến nghị

Bằng việc xem xét hai thành phần của quản lý tài chính trong hộ gia đình, bao gồm: lập ngân sách và kiểm soát tài chính, các phát hiện từ nghiên cứu đã đưa ra một cái nhìn tổng quan về quản lý tài chính ở các hộ gia đình hiện nay. Nhìn chung, các hộ gia đình vẫn chưa thực hiện tốt quản lý tài chính, thể hiện qua tỷ lệ hộ gia đình có nhận thức ngân sách chưa cao ở cả khu vực thành thị và nông thôn, số lượng hộ thường xuyên theo dõi, ghi chép các khoản thu - chi hàng tháng thấp hơn hẳn các hộ không ghi chép và thỉnh thoảng ghi chép. So sánh về cách thức kiểm soát tài chính trong các hộ gia đình đã cho thấy tỷ lệ hộ gia đình sống ở nông thôn thường

xuyên ghi chép cao hơn tỷ lệ hộ gia đình sống ở thành thị. Các hộ gia đình ở nông thôn thường ghi chép trên giấy trong khi các hộ ở thành thị ưa thích dùng ứng dụng trên điện thoại, máy tính để quản lý các khoản thu - chi. Các hộ gia đình có lập ngân sách có xu hướng kiểm soát tài chính hơn các hộ không lập ngân sách. Phụ nữ vẫn đóng vai trò quan trọng trong quyết định chi tiêu sinh hoạt của gia đình. Thu nhập của vợ có liên quan chặt chẽ tới quyền ra quyết định chi tiêu trong gia đình, cụ thể: khi tỷ lệ thu nhập của người vợ trong gia đình càng cao thì vai trò quyết định chi tiêu của người vợ cũng tăng. Mô hình phân tích biệt số cho thấy sự khác biệt giữa hộ gia đình ở thành thị và nông thôn chủ yếu nằm ở các đặc điểm nhân khẩu học, trong khi đó không có nhiều sự khác biệt về góc độ quản lý tài chính.

Quản lý tài chính tốt giúp các hộ gia đình đưa ra các quyết định tài chính từ đơn giản đến phức tạp, từ đó ảnh hưởng tới tổng cầu, tiết kiệm và đầu tư trong nền kinh tế. Nghiên cứu đã cho thấy các vấn đề cần giải quyết trong quản lý tài chính của các hộ gia đình hiện nay. Kết quả nghiên cứu cũng đặt ra yêu cầu cho các nhà quản lý cần phối hợp với các

tổ chức tài chính hỗ trợ hộ gia đình trong vấn đề quản lý tài chính, thông qua phát triển các chương trình giáo dục tài chính, tập trung vào: hướng dẫn lập ngân sách đơn giản và hiệu quả, giới thiệu các công cụ kiểm soát tài chính; phát triển các dịch vụ tư vấn tài chính cho hộ gia đình; phát huy vai trò của phụ nữ trong quản lý tài chính thông qua các hoạt động giáo dục tài chính, tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào sản xuất kinh tế, nâng cao vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Ngoài ra, các nhà phát triển ứng dụng nên quan tâm hơn nữa tới việc phát triển các ứng dụng lập ngân sách, theo dõi thu - chi với các đặc điểm như có tính bảo mật cao, dễ sử dụng, linh hoạt, có khả năng phân tích xu hướng tiêu dùng và đưa ra các cảnh báo, hướng dẫn trong trường hợp người sử dụng cần thay đổi chi tiêu. Các ứng dụng này cũng cần đáp ứng được nhu cầu, thói quen của người sử dụng, đặc biệt là hộ gia đình ở khu vực nông thôn.

Nghiên cứu mới chỉ tập trung vào việc làm sáng tỏ thực trạng quản lý tài chính trong các hộ gia đình hiện nay và tìm hiểu sự khác biệt trong quản lý tài chính giữa hộ gia đình ở khu vực thành thị và nông thôn mà chưa đánh giá được liệu quản lý tài chính có ảnh hưởng tới tình trạng kinh tế của các hộ gia đình. Bên cạnh đó, do việc tổ chức khảo sát được thực hiện thông qua các trang mạng xã hội nên có thể nảy sinh một số vấn đề liên quan đến tính đại diện của mẫu quan sát cũng như khó theo dõi, xác minh danh tính của người trả lời. Nghiên cứu trong tương lai có thể phân tích ảnh hưởng của biến quản lý tài chính tới khả năng gia đình có tiết kiệm hoặc mắc nợ, những nguyên nhân cản trở hộ gia đình không sử dụng các công cụ quản lý tài chính. ♦

Tài liệu tham khảo:

Antonides, G., Manon De Groot, I., & Fred Van Raaij, W. (2011). Mental budgeting

and the management of household finance. *Journal of Economic Psychology*, 32(4), 546-555. <https://doi.org/10.1016/j.joep.2011.04.001>.

Bai, R. (2023). Impact of financial literacy, mental budgeting and self control on financial wellbeing: Mediating impact of investment decision making. *Plos One*, 18(11), e0294466. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0294466>.

Bernasek, A., & Bajtelsmit, V. (2002). Predictors Of Women's Involvement In Household Financial Decision-Making. *Financial Counseling and Planning*, 13(2), 1-9.

Campbell, J. Y. (2006). Household Finance. *The Journal Of Finance*, LXI(4), 1553-1604.

Davis, E. P., & Weber, J. A. (1990). *Patterns and Obstacles to Financial Management. I*.

Declaro-Ruedas, M. Y. A., & Guico, M. J. C. (2023). Household Financial Management of Married Professionals in Occidental Mindoro State College, Philippines. *Journal of Social Sciences: Transformations & Transitions*. <https://doi.org/10.52459/josstt.25230223>.

Dhamnetiya, D., Goel, M. K., Jha, R. P., Shalini, S., & Bhattacharyya, K. (2022). How to Perform Discriminant Analysis in Medical Research? Explained with Illustrations. *Journal of Laboratory Physicians*, 14(04), 511-520. <https://doi.org/10.1055/s-0042-1747675>.

Dobbelsteen, S., & Kooreman, P. (1997). Financial Management, Bargaining and Efficiency within the Household; an Empirical Analysis. *De Economist*, 145, 345-366.

Đặng Thị Hiệp Định. (2012). Nhận thức của gia đình trẻ công chức, viên chức về quản lý chi tiêu ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. *Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM*, 38, 127-134.

Fox, J., & Bartholomae, S. (2020). Household finances, financial planning, and

COVID_19. *Financial Planning Review*, 3(4), e1103. <https://doi.org/10.1002/cfp2.1103>.

Fujiki, H. (2022). Household financial services, financial literacy, and COVID-19 pandemic. *Applied Economics Letters*, 29(7), 615-618. <https://doi.org/10.1080/13504851.2021.1878092>.

Gade, S. (2022a). The Household Financial Management during the Covid Pandemic - a Comparative Analysis. *ECS Transactions*, 107(1), 7131-7141. <https://doi.org/10.1149/10701.7131ecst>.

Gade, S. (2022b). The Household Financial Management during the Covid Pandemic - a Comparative Analysis. *ECS Transactions*, 107(1), 7131-7141. <https://doi.org/10.1149/10701.7131ecst>.

Godwin, D. D., & Carroll, D. D. (1986). Financial management attitudes and behaviour of husbands and wives. *Journal of Consumer Studies & Home Economics*, 10(1), 77-96. <https://doi.org/10.1111/j.1470-6431.1986.tb00110.x>.

Grozdanovska, V., Bojkovska, K., & Jankulovski, N. (2017). Financial management and financial planning in the organizations. *European Journal of Business and Management*, 9 (2), 120-125.

Habibah, U., Hassan, I., Iqbal, M. S., & Naintara. (2018). Household behavior in practicing mental budgeting based on the theory of planned behavior. *Financial Innovation*, 4(1), 28. <https://doi.org/10.1186/s40854-018-0108-y>.

Heath, C., & Soll, J. B. (1996). Mental Budgeting and Consumer Decisions. *Journal of Consumer Research*, 23(1), 40. <https://doi.org/10.1086/209465>.

Hilgert, M. A., & Hogarth, J. M. (1997). Household Financial Management: The Connection between Knowledge and Behavior. *De Economist*, 145(3), 345-366.

Lê Long Hậu, Lê Tấn Nghiêm, & Nguyễn Lê Trang Anh. (2019). Các nhân tố ảnh hưởng

đến kỹ năng quản lý ngân quỹ cá nhân của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. *Can Tho University Journal of Science*, 55, Số chuyên đề: Kinh tế, 127-134. <https://doi.org/10.22144/ctu.jsi.2019.088>.

Lê Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Đỗ Bích Nga, Nguyễn Thị Thanh Nhung, Nguyễn Thanh Phú, Trần Nguyễn Hiền Như, & Phạm Hoàng Lộc. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết và kỹ năng quản lý tài chính cá nhân của sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng thời kỳ chuyển đổi số. *Tạp Chí Khoa Học Trường Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng*, 25, 171-180. <https://doi.org/10.59294/HIUIJS.25.2023.517>.

Miotto, A. P. S. C., & Parente, J. (2015). Antecedents and consequences of household financial management in Brazilian lower-middle-class. *Revista de Administração de Empresas*, 55(1), 50-64. <https://doi.org/10.1590/S0034-759020150106>.

Murari, K. (2019). Managing Household Finance: An Assessment of Financial Knowledge and Behaviour of Rural Households. *Journal of Rural Development*, 38(4), 705. <https://doi.org/10.25175/jrd/2019/v38/i4/150768>.

Nagara, Y. N., & Pewnuan, N. (2016). Income-Expenses Recording Behaviors and Saving Behaviors of Civil Servants at Rajamangala University of Technology Srivijaya: Case Study of Songkhla Campus. *International Scientific Symposium "Economics, Business & Finance"*, 95-102.

Nguyễn Thị Phương Hoa. (2007). Mô hình quản lý tiền nong trong gia đình - Một số vấn đề đặt ra qua nghiên cứu trường hợp tại Lộc Hoà, Nam Định. *Tạp chí Tâm lý học*, 30-35.

Rivest, N. (2018). *The Relationship between Budgeting and Indicators of Financial Well-being*. University of Ottawa.

Rosalina, E., Andriani, W., Santi, E., & Rahmi, A. (2022). Household financial management with personality factors and locus of

control through mental budgeting. *Economics, Business, Accounting & Society Review*, 1(3), 132-141. <https://doi.org/10.55980/ebasr.v1i3.41>.

Stella, O. (2019). Discriminant Analysis: An Analysis of Its Predictship Function. *Journal of Education and Practice*, 10(5), 50-57. <https://doi.org/10.7176/JEP/10-5-04>.

Sulistiyowati, L. N., & Dessyarti, R. S. (2022). Household Financial Management Behavior During Pandemic Covid 19. *Widya Cipta: Jurnal Sekretari Dan Manajemen*, 6(2), 138-150. <https://doi.org/10.31294/widyacipta.v6i2.12694>.

Surikhi, H. F. A. (2012). *Knowledge and Financial Management in Households: An Examination of Married Women's Perspectives in Chadbourn, North Carolina*. SIT Graduate Institute.

Thaler, R. (1985). Mental Accounting and Consumer Choice. *Marketing Science*, 4(3), 199-214.

Trần Thanh Thu, & Đào Hồng Nhung. (2020). Chương trình giáo dục tài chính quốc gia trong bối cảnh số hoá ngành Tài chính: Kinh nghiệm và đề xuất cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 221, 72-84.

Vũ Thị Mai, Nguyễn Thị Hải Hạnh, Trần Thị Hồng Thắm, & Trần Ngọc Bảo Linh. (2021). Tác động của hiểu biết tài chính đến hành vi quản lý tài chính cá nhân của sinh viên. *Kinh tế & Phát triển*, 290(2), 71-80.

Walker, C. M. (1996). Financial management, coping and debt in households under financial strain. *Journal of Economic Psychology*, 17(6), 789-807. [https://doi.org/10.1016/S0167-4870\(96\)00036-0](https://doi.org/10.1016/S0167-4870(96)00036-0).

Xiao, J. J., & Tao, C. (2020). Consumer finance/household finance: The definition and scope. *China Finance Review International*, 11(1), 1-25. <https://doi.org/10.1108/CFRI-04-2020-0032>.

Zhang, C. Y., Sussman, A. B., Wang-Ly, N., & Lyu, J. K. (2022). How consumers budget. *Journal of Economic Behavior & Organization*, 204, 69-88. <https://doi.org/10.1016/j.jebo.2022.09.025>.

Summary

The study was conducted on 456 married individuals through an online survey on social networking sites to assess the current status of financial management in households. Using analytical methods: descriptive statistics, comparative method, Chi-square test, discriminant analysis, some key results were obtained: The percentage of households with mental budget and households regular recording of revenues and expenditures is not high, most households empower their wives to manage revenues and living expenses, a small percentage of households have husbands who decide on household finances; there is a relationship between households have mental budget and recording revenues and expenditures; between wife's income ratio in the household and financial decision-making power. The difference between urban and rural households lies mainly in demographic factors such as years of schooling and age of respondents, number of children under 15 years old in the household but there is not much difference in financial management between these two groups. These research findings highlight the necessity for policymakers, financial institutions, and application developers to implement financial education programs, provide financial advisory services, and develop financial management applications to encourage households to engage in budgeting and enhance their financial control.